

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2024.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2024, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị M - sinh năm 1992, có đơn xin vắng mặt.  
Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- Bị đơn: Ông Võ Hùng Kha L - sinh năm 1987, vắng mặt.  
Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Dương Thị M như sau:

Vào năm 2013, bà và ông Võ Hùng Kha L tự tìm hiểu nhau một thời gian thì sống chung với nhau như vợ chồng mà không có tổ chức đám cưới, sau khi bà sinh con thì bà và ông L đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 12/12/2013.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Võ Hùng Kha L thường xuyên nhậu say, chửi mắng, đánh đập bà nhiều lần, vợ chồng sống chung nhưng tiền ai nấy xài nên từ tiền bạc vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân được 10 năm. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm yêu thương ông Võ Hùng Kha L nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Hùng Kha L.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 01 người con chung tên Võ Dương Minh V - sinh ngày 12/11/2013, hiện nay bà đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Võ Hùng Kha L.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung tên Võ Dương Minh V - sinh ngày 12/11/2013 bà không yêu cầu ông Võ Hùng Kha L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Hùng Kha L đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Võ Hùng Kha L không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Võ Hùng Kha L.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho

người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Dương Thị M được ly hôn với ông Võ Hùng Kha L. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Võ Dương Minh V - sinh ngày 12/11/2013 cho bà Dương Thị M nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Dương Thị M và ông Võ Hùng Kha L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Hùng Kha L là bị đơn trong vụ án, ông Võ Hùng Kha L có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Võ Hùng Kha L vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Võ Hùng Kha L vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Võ Hùng Kha L.

Bà Dương Thị M có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Dương Thị M không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Dương Thị M.

[2] Về hôn nhân: Bà Dương Thị M và ông Võ Hùng Kha L sống chung vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 223/2013, ngày 12/12/2013, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Dương Thị M và ông Võ Hùng Kha L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Dương Thị M và ông Võ Hùng Kha L là hôn nhân tự nguyện nhưng ông bà chưa tìm hiểu kỹ về cá tính của nhau nên khi sống chung vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Dương Thị M cho rằng ông Võ Hùng Kha L thường xuyên nhậu say, chửi mắng, đánh đập bà nhiều lần, vợ chồng sống chung nhưng tiền ai nấy xài nên từ tiền bạc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bà đã ly thân được 10 năm. Trong thời gian ly thân bà và ông Võ Hùng Kha L không còn liên lạc với nhau, ông L cũng không tới lui thăm nom con. Ngày 27/5/2024 và ngày 14/6/2024, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Võ Hùng Kha L vắng mặt và bà Dương Thị M cương quyết ly hôn với ông Võ Hùng Kha L. Xét thấy, vợ chồng bà Dương Thị M và ông Võ Hùng Kha L đã sống ly thân với nhau 10 năm, trong thời gian này, ông Võ Hùng Kha L và bà Dương Thị M không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn hôn nhân và không còn liên lạc với nhau, khi Tòa án mời ông Võ Hùng Kha L đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì ông Võ Hùng Kha L không có mặt cho thấy ông không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Bà Dương Thị M cương quyết xin ly hôn với ông Võ Hùng Kha L và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Võ Hùng Kha L, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị M.

[4] Về con chung: Bà Dương Thị M và ông Võ Hùng Kha L có 01 người con chung tên Võ Dương Minh V - sinh ngày 12/11/2013 hiện nay bà Dương Thị M đang nuôi dưỡng.

Ông Võ Hùng Kha L không có ý kiến về quyền nuôi con. Bà Dương Thị M xin nuôi con chung tên Võ Dương Minh V - sinh ngày 12/11/2013, cháu V có nguyện vọng sống chung với mẹ nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị M.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Dương Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004665, ngày 24/01/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M.

Về hôn nhân: Xử cho bà Dương Thị M và ông Võ Hùng Kha L được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu Võ Dương Minh V - sinh ngày 12/11/2013 cho bà Dương Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Võ Hùng Kha L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Dương Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004665, ngày 24/01/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thị Thùy Trang**